

Bản án số: 03/2022/HS-ST  
Ngày 05-01-2022

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẠM TẤU, TỈNH YÊN BÁI**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Ông Vũ Xuân

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Dương Phương Thảo;
2. Ông Lò Văn Quỳnh.

*Thư ký phiên toà:* Bà Lò Thị Minh- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trạm Tấu, tỉnh Yên Bái.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trạm Tấu tham gia phiên toà:* Bà Hoàng Thị Nghĩa - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 01 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trạm Tấu, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 37/2021/TLST-HS ngày 30 tháng 11 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 36/2021/QĐXXST-HS ngày 22 tháng 12 năm 2021, đối với các bị cáo:

1. Thào A K, sinh ngày 05 tháng 10 năm 1993 tại xã T, huyện T, tỉnh Yên Bái; nơi cư trú thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Yên Bái; nghề nghiệp trồng trọt; trình độ văn hóa (học vấn) không biết chữ; dân tộc Mông; giới tính nam; tôn giáo không; quốc tịch Việt Nam; con ông Thào A L và bà Giàng Thị V; có vợ là Mùa Thị T và có 03 con; tiền án không; tiền sự không; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; "Có mặt".

2. Mùa Thị T, sinh ngày 02 tháng 9 năm 1992 tại xã T, huyện T, tỉnh Yên Bái; nơi cư trú thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Yên Bái; nghề nghiệp trồng trọt; trình độ văn hóa (học vấn) không biết chữ; dân tộc Mông; giới tính nữ; tôn giáo không; quốc tịch Việt Nam; con ông Mùa A K và bà Thào Thị C; có chồng là Thào A K và có 03 con; tiền án không; tiền sự không; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; "Có mặt".

3. Thào Thị C, sinh ngày 01 tháng 01 năm 1975 tại xã T, huyện T, tỉnh Yên Bái; nơi cư trú thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Yên Bái; nghề nghiệp trồng trọt; trình độ văn hóa (học vấn) không biết chữ; dân tộc Mông; giới tính nữ; tôn giáo không; quốc tịch Việt Nam; con ông Thào A L (đã chết) và bà Sùng Thị M (đã

chết); có chồng là Mùa A K và có 05 con; tiền án không; tiền sự không; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; "Có mặt".

4. Thào Thị S, sinh ngày 01 tháng 01 năm 1979 tại xã P, huyện T, tỉnh Yên Bái; nơi cư trú thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Yên Bái; nghề nghiệp trồng trọt; trình độ văn hóa (học vấn) không biết chữ; dân tộc Mông; giới tính nữ; tôn giáo không; quốc tịch Việt Nam; con ông Thào A N (đã chết) và bà Giàng Thị D; có chồng là Mùa A X và có 04 con; tiền án không; tiền sự không; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; "Có mặt".

- *Người bào chữa cho các bị cáo:*

+ Ông Đỗ Viết K - Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Yên Bái; "Có mặt".

+ Ông Nông Đức T - Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Yên Bái; "Có mặt".

+ Bà Lương Thị Ngọc P - Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Yên Bái; "Vắng mặt - Có đơn xin xét xử vắng mặt".

+ Bà Lý Ngọc K - Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Yên Bái; "Có mặt".

- *Nguyên đơn dân sự:*

Ban quản lý rừng phòng hộ huyện T, tỉnh Y; người đại diện theo ủy quyền Ông Nguyễn Phúc U - Phó trưởng phòng Kế hoạch kỹ thuật, quản lý bảo vệ rừng thuộc ban quản lý rừng phòng hộ huyện Trạm Tấu; "Có mặt".

- *Những người tham gia tố tụng khác:*

+ *Người làm chứng:*

Thào A L, sinh năm 1963; nơi cư trú thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Yên Bái; "Có mặt".

Mùa A D, sinh năm 1975; nơi cư trú thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Yên Bái; "Có mặt".

+ *Người phiên dịch tiếng Mông:* Ông Mùa A L - Cán bộ Chi cục thi hành án dân sự huyện Trạm Tấu, tỉnh Yên Bái; "Có mặt".

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do thiếu đất canh tác vào khoảng tháng 3 năm 2021 Thào A K hỏi ông Thào A L (là bố đẻ của K) để xin phát mảnh nương, đã bỏ hoang nhiều năm nay của ông L, để lấy đất trồng lúa và trồng quế (khi K hỏi ông L thì vợ K là Mùa Thị T ngồi gần đó và có nghe được câu chuyện). Đến đầu tháng 4 năm 2021 Thào Thị C (mẹ đẻ T), Thào Thị S (cô họ của T) biết việc Mùa Thị T chuẩn bị đi phát nương cũ nhà ông L để lấy đất canh tác, nên C và S có đến xin T đi phát cùng để cùng nhau trồng lúa; T đồng ý, nên cả ba đến khu vực rừng sản xuất là

rừng tự nhiên thuộc tiểu khu 552, khoảnh 2, lô 12 tại thôn T, xã T dùng dao quắm và rìu chặt, phát toàn bộ cây gỗ nhỏ, bụi rậm và cây vầu; ba người, phát trong 3 ngày được diện tích 16.200 m<sup>2</sup>, do có những cây thân gỗ to, dao không phát được nên khi Thào A K đi làm thuê trở về, T đã nói với K về việc đi phát rừng và chỉ phát được những cây nhỏ, còn cây to thì không phát được, K nói để K dùng máy cưa đi cắt. Ngày hôm sau K đem máy cưa cắt hạ toàn bộ những cây gỗ to còn lại; T, C, S dùng dao chặt cành cho cây đổ hẳn xuống đất, làm trong 3 buổi thì xong.

Ngày 05/5/2021 Trạm kiểm lâm 15, Hạt kiểm lâm Trạm Tàu - Nghĩa Lộ phát hiện diện tích rừng sản xuất là rừng tự nhiên thuộc tiểu khu 552, khoảnh 2, lô 12 tại thôn T, xã T, huyện T bị phát phá.

Tại biên bản khám nghiệm hiện trường ngày 06-5-2021 do Hạt Kiểm lâm Trạm Tàu- Nghĩa Lộ sử dụng máy định vị (JPS) thể hiện:

Vị trí rừng bị chặt phá thuộc Tiểu khu 552, khoảnh 2, lô 12 thôn T, xã T nằm tiếp giáp với các khu vực phía Đông giáp với Tiểu khu 552, khoảnh 2, lô 12; phía Tây giáp với Tiểu khu 552, khoảnh 2, lô 11; phía Nam giáp với Tiểu khu 552, khoảnh 2, lô 16; phía Bắc giáp với Tiểu khu 552, khoảnh 2, lô 6 tất cả đều là rừng sản xuất là rừng tự nhiên.

Tổng diện tích rừng bị thiệt hại 16.200 m<sup>2</sup> loại rừng sản xuất là rừng tự nhiên. Mật độ cây gỗ có trữ lượng là 520 cây/ha; trữ lượng là 65,4m<sup>3</sup>/ha. Thống kê cây gỗ chưa có trữ lượng và cây vầu là 860 cây/ha; loài cây nhóm 8 gồm: Chân chim, vối thuốc, châu, đu đủ rừng, hồng, hooc quang lông, ba soi, ngõa, bồ đề, dẻ, đào rừng, côm, hu đay, vàng anh, kháo và vầu; độ tàn che là 0,6/1. Tổng cây gỗ có trữ lượng và cây gỗ chưa có trữ lượng, cây vầu là 1.380 cây/ha. Mức độ thiệt hại là 100%. Chủ quản lý là Ban quản lý rừng phòng hộ huyện Trạm Tàu.

Bản kết luận định giá tài sản số 08/KL-HĐĐG ngày 15/5/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng Hình sự huyện Trạm Tàu kết luận: Diện tích rừng bị thiệt hại là 16.200 m<sup>2</sup> trong đó :

Gỗ nhóm 8 có đường kính lớn hơn 25cm có trữ lượng gỗ tính cho 1,62 ha rừng bị thiệt hại là:  $V(1,62) = 33,1 \text{ (m}^3\text{)} \times 2.800.000\text{đ/m}^3 = 92.680.000 \text{ đồng}$ .

Gỗ nhóm 8 có đường kính nhỏ hơn 25cm có trữ lượng gỗ tính cho 1,62 ha rừng bị thiệt hại là:  $V(1,62) = 55,9 \text{ (m}^3\text{)} \times 1.000.000\text{đ/m}^3 = 55.900.000 \text{ đồng}$ .

Gỗ bồ đề nhóm 8 có trữ lượng gỗ tính cho 1,62 ha rừng bị thiệt hại là:  $V(1,62) = 16,845 \text{ (m}^3\text{)} \times 1.200.000\text{đ/m}^3 = 20.214.000 \text{ đồng}$ .

Mật độ cây vầu (Dg = 2cm đến 5cm) là: 180 cây/ha, Mật độ vầu tương ứng tính cho 1,62 ha = 292 cây x 11.000 đồng = 3.212.000 đồng.

Giá trị thiệt hại về tiền bảo vệ rừng 30a, tiền dịch vụ môi trường rừng = 28.084.462 đồng.

Tổng cộng: 200.090.462 đồng (hai trăm triệu không trăm chín mươi nghìn bốn trăm sáu mươi hai đồng).

Tại phiên tòa các bị cáo khai khi đi chặt phá suy nghĩ đó là nương cũi của ông L, nên đã chặt phá để lấy đất cùng nhau canh tác.

Đại diện của nguyên đơn dân sự trình bày: Thào A K, Mùa Thị T, Thào Thị C và Thào Thị S đã có hành vi hủy hoại rừng ở thôn T, xã T, huyện T; tổng diện tích rừng bị hủy hoại là 16.200 m<sup>2</sup>; sau khi hành vi hủy hoại rừng của các bị cáo bị phát hiện, các bị cáo đã viết đơn và nộp tạm ứng số tiền 4.000.000 đồng để mua cây giống về trồng, khắc phục hậu quả. Do chưa đến vụ trồng cây, nên Ban quản lý rừng phòng hộ huyện Trầm Thủy tạm thu số tiền 4.000.000 đồng để mua cây giống, chờ đến mùa xuân năm 2022 khi điều kiện khí hậu thuận lợi tạo điều kiện cho cây trồng sinh trưởng và phát triển tốt sẽ chuyển cây giống để các bị cáo trồng lại rừng, khắc phục hậu quả. Tại phiên tòa đại diện nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận thỏa thuận về việc các bị cáo trồng lại rừng, khắc phục hậu quả; các bị cáo nhất trí trồng lại rừng, chăm sóc theo kỹ thuật do Ban quản lý rừng yêu cầu.

Bản Cáo trạng số: 33/CT-VKS-TT ngày 29-11-2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Trầm Thủy truy tố các bị cáo Thào A K, Mùa Thị T, Thào Thị C và Thào Thị S về tội hủy hoại rừng theo điểm đ khoản 2 Điều 243 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên giữ nguyên quan điểm truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Thào A K, Mùa Thị T, Thào Thị C và Thào Thị S phạm tội “*Hủy hoại rừng*”.

- Hình phạt chính: Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 243; điểm b, điểm s khoản 1 Điều 51, các điều 17, 54, 58, 65 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt các bị cáo Thào A K, Mùa Thị T, Thào Thị C và Thào Thị S mỗi bị cáo từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách không quá 05 năm.

Giao Thào A K, Mùa Thị T, Thào Thị C và Thào Thị S cho UBND xã T, huyện T cùng gia đình bị cáo phối hợp trong việc giám sát, giáo dục.

- Hình phạt bổ sung. Xét thấy gia đình các bị cáo sống bằng nghề trồng trọt, không có nguồn thu nhập ổn định, các bị cáo đều không có tài sản có giá trị lớn, việc áp dụng hình phạt tiền là không có tính khả thi, nên đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

- Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a, khoản 1, Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 2, Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

+ Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước 01 máy cưa là công cụ phạm tội của bị cáo Thào A K.

+ Tịch thu tiêu hủy: 03 con dao phát, là công cụ của các bị cáo Mùa Thị T, Thào Thị C và Thào Thị S dùng vào việc phạm tội.

Đối với số lâm sản do các bị cáo chặt phá, Quá trình điều tra Cơ quan CSĐT Công an huyện Trầm Thủy đã bàn giao cho cơ quan quản lý là Ban quản lý rừng phòng hộ huyện Trầm Thủy xử lý.

- Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự; các Điều 584, 585; 586, 587 và 589 của Bộ luật Dân sự; Ghi nhận sự thỏa thuận giữa Ban quản lý rừng phòng hộ huyện Tràm Tấu với các bị cáo về việc: Ban quản lý rừng phòng hộ huyện Tràm Tấu không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường thiệt hại về lâm sản mà yêu cầu các bị cáo có trách nhiệm trồng lại rừng, chăm sóc và bảo vệ rừng cho đến khi cây trồng đạt tiêu chuẩn thì tiến hành bàn giao cho chủ quản lý rừng là Ban quản lý rừng phòng hộ huyện Tràm Tấu.

- Về án phí: Tại phiên tòa các bị cáo và người bào chữa xin được miễn án phí. Xét thấy các bị cáo là người dân tộc thiểu số, sống ở vùng có điều kiện kinh tế, xã hội đặc biệt khó khăn, nên đề nghị Hội đồng xét xử miễn án phí cho các bị cáo theo quy định.

Các bị cáo, nguyên đơn dân sự không có ý kiến tranh luận gì.

Người bào chữa cho bị cáo trình bày lời bào chữa: Nhất trí với bản luận tội của Viện kiểm sát về tội danh và điều luật áp dụng; đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho các bị cáo là người dân tộc thiểu số, sinh sống ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn, không biết chữ, nên hiểu biết pháp luật hạn chế; sau khi hành vi phạm tội bị phát hiện các bị cáo đã tự nguyện khắc phục hậu quả, quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tập quán của đồng bào dân tộc miền núi, trong đó có gia đình các bị cáo sinh sống chủ yếu dựa vào núi rừng, thu nhập chính đều từ việc trồng cây và làm nương rẫy. Nay, do hoàn cảnh gia đình khó khăn thiếu đất canh tác cùng với đó việc ảnh hưởng của dịch bệnh Covid -19 không tìm được việc làm nên các bị cáo đã thực hiện việc phát phá rừng với mục đích để lấy đất trồng lúa, trồng quế phát triển kinh tế, có thêm thu nhập trang trải cho cuộc sống gia đình. Đồng thời, cũng xuất phát từ thực tế sử dụng đất, nguồn gốc diện tích rừng mà các bị cáo có hành vi phát phá là do trước đây gia đình ông Thào A L (bố đẻ của bị cáo K) đã canh tác, sử dụng để trồng lúa, sau đó vì đất cần cỗi nên gia đình đã bỏ hoang không trồng cây nữa. Với nhận thức đơn giản diện tích rừng đó là mảnh nương cũ nhà mình nên các bị cáo đã vô tình có hành vi vi phạm pháp luật.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 243; các điểm b, s khoản 1 Điều 51 Điều 54; Điều 65 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt các bị cáo Thào A K, Mùa Thị T, Thào Thị C và Thào Thị S mỗi người 02 năm tù nhưng cho hưởng án treo.

- Hình phạt bổ sung: Trong vụ án này gia đình các bị cáo đều rất khó khăn, các bị cáo đều không có việc làm ổn định, không có tài sản riêng không đảm bảo khả năng thi hành án. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với các bị cáo.

- Về án phí: Các bị cáo là người dân tộc thiểu số sinh sống tại xã có điều kiện kinh tế khó khăn; tại phiên tòa các bị cáo đã có đơn đề nghị miễn án phí. Vì vậy áp dụng điểm đ khoản 1 điều 12 Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH 14 ngày

30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội. Đề nghị Hội đồng xét xử miễn án phí cho các bị cáo.

Các bị cáo, nguyên đơn dân sự không có ý kiến tranh luận gì thêm.

Lời nói sau cùng của các bị cáo: Khi phát phá không biết đó là diện tích rừng do ban quản lý rừng phòng hộ quản lý, các bị cáo suy nghĩ đó là nương bỏ hoang của ông L; nay các bị cáo đã biết hành vi của mình là vi phạm pháp luật, nên đề nghị Hội đồng xét xử cho hưởng án treo để được tự cải tạo và trồng, chăm sóc cây khắc phục hậu quả cho Ban quản lý rừng phòng hộ.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Trạm Tấu, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Trạm Tấu, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp biên bản khám nghiệm hiện trường, vật chứng thu giữ và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do đó, có đủ cơ sở kết luận: Vào khoảng tháng 4 năm 2021, tại Tiểu khu 552, khoảnh 2, lô 12 thuộc thôn T, xã T, huyện T; các bị cáo Thào A K, Mùa Thị T, Thào Thị C và Thào Thị S đã có hành vi dùng dao phát (loại dao quắm), rìu và máy cưa chặt phá rừng sản xuất là rừng tự nhiên do Ban quản lý rừng phòng hộ huyện Trạm Tấu quản lý, bảo vệ. Tổng diện tích rừng sản xuất là rừng tự nhiên bị thiệt hại là 1.62 ha, gây thiệt hại về lâm sản là 200.090.462 đồng; mục đích các bị cáo phát rừng để lấy đất trồng lúa và trồng quế.

Các bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự; nhận thức được chặt phá rừng là vi phạm pháp luật, nhưng do suy nghĩ diện tích rừng mình chặt phá là nương bỏ hoang của gia đình ông Thào A L, để có tư liệu sản xuất, phát triển kinh tế hộ gia đình, nên các bị cáo đã vi phạm pháp luật.

Hành vi phạm tội của các bị cáo xâm phạm đến các quy định của Nhà nước về khai thác và bảo vệ rừng, xâm hại đến sự ổn định bền vững của môi trường sinh thái, môi trường sống của con người được pháp luật bảo vệ.

[3] Các bị cáo hủy hoại diện tích rừng trên 10.000 m<sup>2</sup>, nên các bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng định khung theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 243 của Bộ luật Hình sự.

[4] Từ những căn cứ trên đã có đủ căn cứ để khẳng định hành vi của các bị cáo thực hiện đã phạm vào tội “*Hủy hoại rừng*”, tội phạm và hình phạt được

quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 243 của Bộ luật Hình sự. Lời luận tội tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa cơ bản là phù hợp, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Xét nhân thân: Trước khi phạm tội các bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, nên xác định các bị cáo là người có nhân thân tốt.

[6] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Sau phạm tội các bị cáo đã tự nguyện nộp tiền cho Ban quản lý rừng phòng hộ để đền vụ trồng cây, Ban quản lý rừng phòng hộ sẽ cung cấp giống cây, để các bị cáo trồng lại rừng, khắc phục hậu quả; quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[7] Thào A K, Mùa Thị T, Thào Thị C và Thào Thị S trước khi phạm tội không có sự bàn bạc, phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng bị cáo; trong quá trình thực hiện phạm tội không có sự cấu kết chặt chẽ, các bị cáo đều là người thực hành, nên đây là trường hợp đồng phạm giản đơn; các bị cáo cùng có mục đích phát triển kinh tế hộ gia đình, nên các bị cáo có vai trò ngang nhau.

[8] Các bị cáo được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, không có tình tiết tăng nặng; các bị cáo có nơi cư trú rõ ràng; trong cuộc sống luôn chấp hành tốt chủ trương đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước; do nhận thức pháp luật hạn chế, suy nghĩ đó là nương bỏ hoang của ông L (bố đẻ bị cáo K), mong muốn phát triển kinh tế gia đình, nên các bị cáo đã phạm tội; các bị cáo có khả năng tự cải tạo, việc cho bị cáo hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội, không gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự an toàn xã hội, hơn nữa cho các bị cáo hưởng án treo, các bị cáo mới có thời gian, điều kiện khắc phục hậu quả (trồng, chăm sóc, bảo vệ rừng cho đến khi ban giao cho Ban quản lý rừng phòng hộ). Vì vậy, Hội đồng xét xử áp dụng hình phạt tù cho hưởng án treo đối với các bị cáo, giao bị cáo cho chính quyền địa phương nơi các bị cáo thường trú giám sát, giáo dục cũng đủ tác dụng cải tạo bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội.

[9] Hình phạt bổ sung: Các bị cáo sống bằng nghề trồng trọt, không có thu nhập ổn định, các bị cáo đều không có tài sản có giá trị lớn, nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[10] Trách nhiệm dân sự: Các bị cáo và nguyên đơn dân sự thỏa thuận về trồng lại diện tích rừng các bị cáo đã hủy hoại. Sự thỏa thuận giữa nguyên đơn dân sự và các bị cáo là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, nên được ghi nhận.

[11] Vật chứng của vụ án:

- Đối với khối lượng lâm sản trên diện tích rừng Thào A K, Mùa Thị T, Thào Thị C và Thào Thị S đã hủy hoại tại Tiểu khu 552, khoảnh 2, lô 12 thuộc thôn T, xã T, huyện T, trong đó có 842 cây gỗ (gồm: cây chân chim, vôi thuốc, châu, đu đủ rừng, hồng, hooc quang lông, ba soi, ngõa, bồ đề, đào rừng, cô, hu đay, vàng anh, kháo) và 292 cây vôi, cơ quan điều tra đã giao những vật chứng này cho Ban quản lý rừng phòng hộ huyện Trầm Thủy quản lý là phù hợp, do vậy

tiếp tục giao những vật chứng trên cho Ban quản lý rừng phòng hộ huyện Tràm Tàu quản lý, xử lý theo quy định.

- 01 máy cưa đã cũ, màu cam, không nhãn hiệu, tổng chiều dài toàn bộ máy cưa xăng 110 cm, động cơ dài 50 cm, rộng 17 cm, lưỡi lam kèm xích sắt dài 60 cm, rộng 10 cm. Đây là công cụ bị cáo K sử dụng vào việc phạm tội, còn giá trị sử dụng, nên thu nộp ngân sách Nhà nước theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự và điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự

- 01 con dao phát đã cũ, tổng chiều dài dao phát là 107 cm, lưỡi dao bằng sắt có chiều dài là 37 cm, chiều rộng 4 cm, hình cong, cán gỗ có chiều dài 70 cm, có đường kính 03 cm; 01 con dao phát đã cũ, tổng chiều dài dao phát là 99 cm, lưỡi dao bằng sắt có chiều dài là 38 cm, chiều rộng là 04 cm, mũi dao sắt bị sứt, chiều dài chuôi dao bằng gỗ là 61 cm, đường kính cán gỗ là 03 cm; 01 con dao phát đã cũ, tổng chiều dài dao phát là 109 cm, cán gỗ có chiều dài là 67 cm, lưỡi dao bằng sắt có chiều dài 42 cm, chiều rộng 05 cm, phần dao sắt có hình cong, đường kính cán gỗ 03 cm. Đây là những vật các bị cáo sử dụng làm công cụ phạm tội, không còn giá trị sử dụng, nên tịch thu tiêu hủy theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[11] Án phí và các vấn đề khác :

- Án phí: Các bị cáo Thào A K, Mùa Thị T, Thào Thị C và Thào Thị S là người dân tộc thiểu số sinh sống ở xã có điều kiện kinh tế đặc biệt khó khăn, các bị cáo đã có đơn xin miễn án phí. Hội đồng xét xử xét thấy cần căn cứ vào khoản 6 Điều 15 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án miễn án phí cho các bị cáo.

- Đối với Thào A L là người đã đồng ý cho các bị cáo phát rừng làm nương tại nương cũ của ông L đã bỏ hoang từ lâu; tuy nhiên Thào A L không bàn bạc, không chỉ cụ thể vị trí cho các bị cáo phát ở đâu, diện tích là bao nhiêu, không đi phát cùng, không có hành vi ép buộc các bị cáo phải đi phát rừng. Do đó hành vi của Thào A L không phải là đồng phạm trong vụ án.

- Đối với chiếc rìu mà Thào Thị C sử dụng để chặt phá rừng, sau khi sử dụng bị cáo C đã để chiếc rìu lại tại khu vực rừng bị chặt phá. Cơ quan điều tra đã truy tìm nhưng không thấy, nên không đặt ra để giải quyết.

- Quyền kháng cáo: Các bị cáo, nguyên đơn dân sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Tội danh: Tuyên bố các bị cáo Thào A K, Mùa Thị T, Thào Thị C và Thào Thị S phạm tội “*Hủy hoại rừng*”.

2. Điều luật áp dụng và hình phạt: Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 243; điểm b, điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Thào A K 03 (ba) năm tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 05 (năm) năm, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, ngày 05/01/2022.

Xử phạt bị cáo Mùa Thị T 03 (ba) năm tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 05 (năm) năm, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, ngày 05/01/2022.

Xử phạt bị cáo Thào Thị C 03 (ba) năm tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 05 (năm) năm, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, ngày 05/01/2022.

Xử phạt bị cáo Thào Thị S 03 (ba) năm tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 05 (năm) năm, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, ngày 05/01/2022.

Giao các bị cáo Thào A K, Mùa Thị T, Thào Thị C và Thào Thị S cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Yên Bái giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình người bị kết án có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục các bị cáo.

Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69, khoản 3 Điều 92 của Luật thi hành án hình sự.

3. Trách nhiệm dân sự: Áp dụng khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự; các Điều 584, 585; 586, 587 và 589 của Bộ luật Dân sự.

Ghi nhận sự thỏa thuận giữa bị cáo Thào A K, Mùa Thị T, Thào Thị C, Thào Thị S và Ban quản lý rừng phòng hộ huyện Trạm Tấu, theo đó Thào A K, Mùa Thị T, Thào Thị C và Thào Thị S có trách nhiệm trồng lại 16.200 m<sup>2</sup> rừng tại Tiểu khu 552, khoảnh 2, lô 12 thuộc thôn T, xã T; các bị cáo chịu toàn bộ tiền cây giống, chi phí trồng, chăm sóc theo yêu cầu của Ban quản lý rừng phòng hộ cho đến khi rừng đủ tiêu chuẩn, bàn giao cho Ban quản lý rừng phòng hộ huyện Trạm Tấu.

Ban quản lý rừng phòng hộ huyện Trạm Tấu cung cấp cây giống, hướng dẫn kỹ thuật trồng, chăm sóc. (xác nhận các bị cáo đã nộp tiền tạm ứng mua cây giống, trồng khắc phục do hủy hoại rừng là 4.000.000 đồng).

4. Xử lý vật chứng của vụ án: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự.

- Giao cho Ban quản lý rừng phòng hộ huyện Trạm Tấu quản lý, xử lý số lượng lâm sản trên diện tích rừng Thào A K, Mùa Thị T, Thào Thị C và Thào Thị S đã hủy hoại, cụ thể 842 cây gỗ (gồm: cây chân chim, vối thuốc, châu, đu đủ rừng, hồng, hooc quang lông, ba soi, ngõa, bồ đề, đào rừng, côm, hu đay, vàng anh, kháo) và 292 cây vầu.

- Tịch thu nộp Ngân sách Nhà nước 01 máy cưa đã cũ, màu cam, không nhãn hiệu, tổng chiều dài toàn bộ máy cưa xăng 110 cm, động cơ dài 50 cm, rộng 17 cm, lưỡi lam kèm xích sắt dài 60 cm, rộng 10 cm.

- Tịch thu và tiêu hủy: 01 con dao phát đã cũ, tổng chiều dài dao phát là 107 cm, lưỡi dao bằng sắt có chiều dài là 37 cm, chiều rộng 04 cm, hình cong, cán gỗ có chiều dài 70 cm, có đường kính 03 cm; 01 con dao phát đã cũ, tổng chiều dài dao phát là 99 cm, lưỡi dao bằng sắt có chiều dài là 38 cm, chiều rộng là 04 cm, mũi dao sắt bị sứt, chiều dài chuôi dao bằng gỗ là 61 cm, đường kính cán gỗ là 03 cm; 01 con dao phát đã cũ, tổng chiều dài dao phát là 109 cm, cán gỗ có chiều dài là 67 cm, lưỡi dao bằng sắt có chiều dài 42 cm, chiều rộng 05 cm, phần dao sắt có hình cong, đường kính cán gỗ 03 cm.

*Các vật chứng này có đặc điểm như trong biên bản giao nhận vật chứng ngày 02-12-2021 giữa Công an huyện Trạm Tầu và Chi cục thi hành án dân sự huyện Trạm Tầu.*

5. Án phí: Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, khoản 6 Điều 15 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Các bị cáo Thào A K, Mùa Thị T, Thào Thị C và Thào Thị S được miễn nộp tiền án phí hình sự và dân sự sơ thẩm.

6. Quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Các bị cáo, nguyên đơn dân sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận việc thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Yên Bái;
- VKSND tỉnh Yên Bái;
- VKSND huyện Trạm Tầu;
- Công an huyện Trạm Tầu;
- Bị cáo; người bào chữa cho bị cáo;
- Nguyên đơn dân sự;
- UBND xã T;
- Sở tư pháp tỉnh Yên Bái;
- Lưu hs, TA, THA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Vũ Xuân**